**ĐỀ TẶNG 01**

**I. ĐỌC HIỂU**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

Anh viết cho em, tự đảo này

Cuba, hòn đảo Lửa, đảo Say

Ở đây say thật, say trời đất

Sóng biển say cùng rượu mật, say…

\* \* \*

Nửa vòng Trái Đất rẽ tầng mây

Anh đến Cuba một sáng ngày

Nắng rực trời tơ và biển ngọc

Đảo tươi một dải lụa đào bay

\* \* \*

Em ạ, Cuba ngọt lịm đường

Mía xanh đồng bãi, biếc đồi nương

Cam ngon, xoài ngọt vàng nông trại

Ong lạc đường hoa, rộn bốn phương

\* \* \*

Anh mải mê nhìn, anh mải nghe

Mía reo theo gió những thân kè

Tóc xanh xõa bóng hàng chân trắng

Có phải tiên nga dự hội hè?...

(Trích Từ Cuba, Tố Hữu)

**Câu 1.** Xác định thể thơ của đoạn trích.

**Câu 2.** Chỉ ra những tính từ miêu tả vẻ đẹp của đất nước Cuba ở khổ thơ thứ 2.

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa trong đoạn thơ sau:

Em ạ, Cuba ngọt lịm đường

Mía xanh đồng bãi, biếc đồi nương

Cam ngon, xoài ngọt vàng nông trại

Ong lạc đường hoa, rộn bốn phương

**Câu 4.** Nhận xét về tình cảm của nhà thơ Tố Hữu dành cho đất nước Cuba được thể hiện qua đoạn thơ.

**II. LÀM VĂN**

**Câu 1**

# Từ nội dung văn bản ở phần đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý thức của thanh niên trong việc xây dựng tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới.

**Câu 2**

*“Ngày Tết, Mị cũng uống rượu.Mị lén lấy hũ rượu, uống ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn người nhảy đồng, người hát. Nhưng lòng Mị đang sống về ngày trước.Tai Mị văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng.Ngày trước Mị thổi sáo giỏi.Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo.Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị .*

*Rượu đã tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả, Mị không biết.Mị vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà.Mãi sau Mị mới đứng dậy. Nhưng Mị không bước ra đường chơi, mà Mị từ từ bước vào buồng.Chẳng năm nào A Sử cho Mị đi chơi Tết. Mị cũng chẳng buồn đi. Bấy giờ Mị ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Đã từ nãy Mị thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui như những đêm Tết ngày trước. Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi Tết. Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau! Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra.Mà tiếng sáo gọi bạn vẫn lửng lơ bay ngoài đường.*

(Trích *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài, Ngữ văn 12, tập hai, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, trang 7-8)

Anh/chị hãy phân tích tâm trạng và hành động của nhân vật Mị trong đoạn trích trên, từ đó nhận xét về cảm hứng nhân đạo của ngòi bút Tô Hoài trong đoạn trích.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**I. ĐỌC HIỂU**

**Câu 1.** Thể thơ 7 chữ.

**Câu 2.** Những tính từ miêu tả vẻ đẹp của đất nước Cuba ở khổ thơ thứ 2: Nắng rực, trời tơ, biển ngọc…

**Câu 3.** Biện pháp tu từ nhân hóa: Ong lạc đường hoa. Tác dụng: làm hiện lên sự gợi hình gợi cảm của đất nước Cuba yên bình, tươi đẹp khiến nhà thơ ngỡ ngàng.

**Câu 4.** Đoạn thơ miêu tả đất nước Cuba có nền nông nghiệp trù phú, cảnh đẹp thanh bình, lãng mạn như chốn thần tiên. Đồng thời, nhà thơ Tố Hữu bày tỏ tình yêu mến, lòng cảm phục đối với con người và đất nước Cuba khi ông có dịp đến thăm đất nước bạn.

**II. LÀM VĂN**

**Câu 1.** Ý thức của thanh niên trong việc xây dựng tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới:

- Tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới là quan hệ bạn bè thân thiện, bình đẳng giữa nước này với nước khác dựa trên các nguyên tắc đã được các bên thỏa thuận và cam kết nhằm gây dựng mối liên kết bền chặt giữa các quốc gia.

- Quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới sẽ tạo cơ hội và điều kiện để hợp tác, cùng phát triển về nhiều mặt, kinh tế văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học ki thuật,… Mối quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia còn tạo sự hiểu biết lẫn nhau, tránh mâu thuẫn, căng thẳng dẫn đến nguy cơ chiến tranh.

- Tạo mối quan hệ hữu nghị tiến tới hợp tác toàn diện là xu thế của thế giới ngày nay. Từ sự hợp tác hữu nghị ban đầu sẽ mở đường cho các cơ hội khác tiếp tục phát triển sâu rộng, khai thác hiệu quả năng lực đất nước, giải quyết các vấn đề bức thiết có liên quan giữa quốc gia mà bản thân mỗi quốc gia không thể giải quyết được.

- Muốn xây dựng một thế giới hòa bình nhất định các quốc gia phải biết thiết lập mối quan hệ hữu nghị với các quốc gia khác. Một khi các quốc gia tìm kiếm được tiếng nói chung và cơ hội phát triển đất nước sẽ làm hạn chế rủi ro, xung đột, góp phần giữ gìn an ninh, trật tự và hòa bình thế giới.

- Là thanh niên Việt Nam chúng ta có trách nhiệm phải thể hiện tình đoàn kết, hữu nghị với bạn bè và người nước ngoài bằng thái độ, cử chỉ, việc làm thể hiện sự tôn trọng, thân thiện trong cuộc sống hằng ngày.

+ Tôn trọng văn hóa và tăng cường giao lưu học tập lẫn nhau với các nước khác. Học tập cái hay, cái đẹp của họ đồng thời giới thiệu rộng rãi cái hay cái đẹp của dân tộc với bạn bè quốc tế.

+ Không phân biệt đối xử hay có thái độ kì thị với bất cứ dân tộc nào trên thế giới.

+ Quyết liệt chống lại thái độ kì thị dân tộc, khiêu khích, gây mâu thuẫn giữa các dân tộc trên thế giới. Lấy hòa bình, hợp tác, hữu nghị và bình đẳng làm nguyên tắc ứng xử.

- Giao lưu hòa nhập với thế giới nhưng không hòa tan. Phải giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam như giữ gìn chính sự sống của mình.

**Câu 2**

**Mị uống rượu:** Tiếng sáo đã dẫn đến hành động “nổi loạn” của Mị. Dịp Tết, mọi người uống rượu, đi chơi và Mị cũng tìm đến rượu “Ngày Tết, Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát. Rồi Mị say”. Đó cũng không phải là cách uống của người thưởng xuân cũng không phải uống vì thèm rượu.

Cách uống rượu của Mị là cách uống để giải sầu, uống rượu như nuốt căm, nuốt hận vào lòng. Sức chịu đựng của Mị là có hạn, đã đến lúc cần bùng cháy. Rượu chính là chất men xúc tác để nhân vật có đủ sức mạnh và can đảm làm những việc mà khi tỉnh táo Mị không thể bởi bao áp chế đè nặng. Vì thế mới có những diễn biến đầy phức tạp trong tâm lí và hành động của Mị trong đêm tình mùa xuân.

Có thể nói rượu và tiếng sáo chính là chất men say đánh thức phần đời đã mất, khơi dậy sức sống tiềm tàng vốn bị vùi chôn ở nơi sâu kín nhất trong tâm hồn của Mị. Mị lịm mặt ngồi đấy nhưng tâm hồn Mị đang hồi sinh. Sự hồi sinh trong tâm hồn đã dẫn đến hàng chuỗi các tâm trạng, hành động cả vô thức lẫn ý thức nhưng chứa đựng đầy sức sống của nhân vật.

**Lòng Mị sống lại những ngày trước khi còn trẻ:** Khi ngập mình trong hơi men nồng nàn, tha thiết, với tiếng sáo đang đang “văng vẳng gọi bạn đầu làng”, lòng Mị đang sống về ngày trước, hồi tưởng lại mùa xuân tươi đẹp thời con gái. Ngày ấy, Mị là người con gái xinh đẹp, tài hoa, yêu đời, chỉ cần một chiếc lá là “Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo”. Ngày ấy, Mị có “biết bao nhiêu người mê, cứ ngày đêm thổi sáo đi theo Mị”.

Những hồi ức thanh xuân tươi đẹp ấy sống dậy cho thấy Mị đã bắt đầu thức tỉnh, Mị đã ý thức được về sự tồn tại, về cuộc đời của mình. Mị như ý thức được mình đang sống giữa hai thế giới: quá khứ và hiện tại; tỉnh và say; hạnh phúc và bi kịch. Sức sống mãnh liệt đang trỗi dậy trong tâm hồn Mị và khát vọng sống như ngọn lửa đã làm bừng sáng lại tâm hồn Mị.

Nhà văn Tô Hoài ở đây thực sự đã chứng tỏ sự am hiểu về tâm lí, tính cách của người dân vùng cao Tây Bắc. Tâm lí của Mị không chỉ có lí trí của một người tỉnh táo mà còn phải có sự chếnh choáng trong hơi men nồng nàn của rượu, trong kí ức của tiếng sáo năm xưa.

**Mị đi vào buồng và ý thức rằng mình vẫn còn trẻ:** Sự vượt lên hoàn cảnh của Mị diễn ra không hề dễ dàng. Tô Hoài đã rất tinh tế khi đặt nhân vật Mị vào sự giao tranh giữa một bên là sức sống tiềm tàng, một bên là ý thức về thân phận. Ngòi bút của nhà văn như hóa thân vào nhân vật, để nâng niu, để trân trọng những khát vọng của con người, đồng thời lại rất tỉnh táo, khách quan khi phân tích, mổ xẻ những ngóc ngách sâu kín trong tâm hồn nhân vật.

Rượu tan, người về hết, Mị ngồi trơ một mình giữa nhà rồi Mị bước vào buồng, ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trắng trắng. Căn buồng ấy chính là thực tại, là ngục thất giam cầm tuổi thanh xuân và hủy hoại hạnh phúc của Mị. Cái lỗ vuông mờ mờ trăng trắng kia vốn là những hình ảnh nhiều sức gợi, thể hiện Mị đã tê liệt đến mức quên cả ý niệm về không gian, thời gian.

Nhưng giờ đây khát vọng sống và khát vọng hạnh phúc mãnh liệt khiến Mị có thể phá tan mọi gông cùm, áp chế. Để lúc này “Mị thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui như những đêm Tết ngày trước”. Quá khứ và hiện tại như đan xen khiến Mị trở lại là cô Mị trẻ trung, yêu đời ngày nào để Mị nhận ra bây giờ Mị vẫn còn rất trẻ và Mị muốn được đi chơi “Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi”. Mị còn trẻ nghĩa là còn sức sống, còn khao khát, còn muốn yêu thương.

**Tâm trạng phẫn uất khi nhận thức về hiện thực phũ phàng là cuộc hôn nhân không tình yêu:** Khát vọng sống như ngọn lửa bùng cháy mãnh liệt bao nhiêu thì Mị lại phẫn uất bấy nhiêu. Phẫn uất và đau khổ cho thân phận và số phận trớ trêu đầy bi kịch. Mị nhớ ra chẳng năm nào A Sử cho Mị đi chơi. Mị nhận ra những người phụ nữ có chồng vẫn đi chơi ngày Tết: “Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi Tết. Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau!”

Mị đã có chồng nhưng người chồng ấy không tình yêu, không hạnh phúc. Còn gì đau khổ bằng lấy một người mà mình không có tình yêu. Còn gì đau khổ bằng phải sống với một kẻ vũ phu chỉ xem mình là món đồ chơi và bị khinh rẻ như con vật.

Sức sống tiềm tàng đã được đánh thức, Mị không thể cam chịu mãi kiếp nô lệ, kiếp làm dâu gạt nợ. Nhớ lại kiếp sống trâu ngựa chỉ thấy nước mắt muốn ứa ra. Mị muốn phản kháng lại hoàn cảnh, không chấp nhận cuộc sống trâu ngựa này nữa.

Mị muốn chết để không phải đối diện với thực tại, không phải nhớ lại quá khứ cùng với những ước mơ khao khát của mình Muốn chết để giải thoát nỗi đọa đày, muốn chết để thoát khỏi bi kịch, điều này tiêu cực nhưng dễ thông cảm và hơn hết đã cho thấy sự thay đổi ở Mị. Mị muốn chết chính là biểu hiện của sức sống, của khát vọng sống đích thực là một con người. Đây phải chăng là tình yêu, lòng nhân đạo của tác giả đối với nhân vật.

Trong đoạn văn, nhà văn Tô Hoài xây dựng nhân vật Mị với nhiều điểm nghệ thuật đặc sắc như: lối kể chuyện ngắn gọn, dẫn dắt tình tiết khéo léo, đặc biệt hành động và diễn biến tâm trạng của Mị được miệu tả, lí giải cụ thể, hợp lí. Đi sâu vào tâm lí nhân vật, Tô Hoài đã xây dựng nhân vật theo kiểu con người phân lập, có một cô Mị ở hiện tại và một cô Mị ở quá khứ hòa chung vào nhau. Hai con người ấy đan xen, khi tách ra khi hòa vào một tạo nên một nhân vật Mị hết sức sinh động, mới lạ.

**Giá trị nhân đạo:** Đoạn trích góp phần hoàn thiện chân dung nhân vật Mị. Dù nghèo khó, bị áp bức nhưng trong sâu thẳm tâm hồn vẫn tiềm tàng một sức sống mãnh liệt. Qua đó, nhà văn khám phá, trân trọng, ngợi ca những khao khát tình yêu, hạnh phúc của con người, thể hiện niềm tin vào sức sống của con người không bị hủy diệt.

Đồng thời lên án những thế lực tàn bạo chà đạp lên cuộc sống con người. Sức sống tiềm tàng mãnh liệt của Mị trong đoạn trích cũng như tác phẩm đã để lại trong lòng bao thế hệ bạn đọc một ấn tượng khó phai mờ, đã góp phần nêu bật giá trị nhân đạo của tác phẩm và khẳng định tên tuổi của nhà văn Tô Hoài.

**ĐỀ TẶNG 02**

**I. ĐỌC HIỂU**

**Đọc văn bản sau:**

*Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui  
Cùng với anh em tìm đến mọi người  
Tôi chọn nơi này cùng nhau ca hát  
Để thấy tiếng cười rộn rã bay*

*Mỗi ngày tôi chọn một điều thôi  
Chọn tiếng ru con nhẹ bước vào đời  
Tôi chọn nắng đầy, chọn cơn mưa tới  
Để lúa reo mừng tựa vẫy tay*

*Và như thế tôi sống vui từng ngày  
Và như thế tôi đến trong cuộc đời  
Đã yêu cuộc đời này bằng trái tim của tôi  
Và như thế tôi sống vui từng ngày  
Và như thế tôi đến trong cuộc đời  
Đã yêu cuộc đời này bằng trái tim của tôi.*

(Trích *Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui*, Trịnh Công Sơn)

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt của văn bản.

**Câu 2.** Mỗi ngày tác giả chọn niềm vui bằng cách nào?

**Câu 3.** Tác giả Trịnh Công Sơn muốn gửi gắm điều gì qua thông điệp sau:

*Mỗi ngày tôi chọn một điều thôi  
Chọn tiếng ru con nhẹ bước vào đời  
Tôi chọn nắng đầy, chọn cơn mưa tới  
Để lúa reo mừng tựa vẫy tay*

**Câu 4.** Theo anh/chị, vì sao những câu hát: *Và như thế tôi sống vui từng ngày/Và như thế tôi đến trong cuộc đời/Đã yêu cuộc đời này bằng trái tim của tôi* được lặp lại hai lần?

**II. LÀM VĂN**

**Câu 1**

Từ văn bản ở phần đọc hiểu, anh/chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về những điều bản thân cần làm để giữ cho tâm hồn luôn tươi trẻ.

**Câu 2**

Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp trữ tình của Sông Đà qua đoạn trích:

*Tôi có bay tạt ngang qua Sông Đà mấy lần, và thấy đó cũng là thêm cho mình một góc độ nhìn  
một cách nhìn về con sông Tây Bắc hung bạo và trữ tình. Từ trên tàu bay mà nhìn xuống Sông Đà,  
không ai trong tàu bay nghĩ rằng cái dây thừng ngoằn ngoèo dưới chân mình kia lại chính là cái con  
sông hằng năm và đời đời kiếp kiếp làm mình làm mẩy với con người Tây Bắc và phản ứng giận dỗi vô  
tội vạ với người lái đò Sông Đà. Cũng không ai nghĩ rằng đó là con sông của câu đồng dao thần thoại  
Sơn Tinh Thuỷ Tinh “Núi cao sông hãy còn dài - Năm năm báo oán đời đời đánh ghen”. Hình như khi  
mà ta đã quen đọc bản đồ sông núi, thì mỗi lúc ngồi tàu bay trên chiều cao mà nhìn xuống đất nước  
Tổ quốc bao la, càng thấy quen thuộc với từng nét sông tãi ra trên đại dương đá lờ lờ bóng mây dưới  
chân mình. Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong  
mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân.  
Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên Sông Đà, tôi đã xuyên qua đám mây mùa thu mà nhìn  
xuống dòng nước Sông Đà. Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước Sông Đà không xanh màu xanh  
canh hến của Sông Gâm Sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi  
vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về. Chưa hề bao giờ  
tôi thấy Sông Đà là đen như thực dân Pháp đã đè ngửa con sông ta ra đổ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu, rồi cứ thế mà phiết vào bản đồ lai chữ.*

(Trích *Người lái đò Sông Đà* – Nguyễn Tuân - Ngữ văn 12, tập Một – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2020, tr 190-191).

Từ đó, liên hệ với vẻ đẹp hung bạo của Sông Đà trong cuộc chiến với người lái đò Sông Đà để rút ra những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả của nhà văn Nguyễn Tuân.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần/**  **Câu** | **Nội dung** |
| **I** | **ĐỌC HIỂU** |
| **1** | PTBĐ: biểu cảm |
| **2** | Mỗi ngày tác giả chọn niềm vui bằng cách: tìm đến mọi người, cùng nhau ca hát |
| **3** | Trịnh Công Sơn gửi gắm: mỗi ngày cố gắng chọn một niềm vui nho nhỏ để làm cho cuộc sống có ý nghĩa. Đó có thể là lời ru con dịu dàng, hay ánh nắng, cơn mưa làm cho cây lúa tốt tươi. |
| **4** | Những câu hát: *Và như thế tôi sống vui từng ngày/Và như thế tôi đến trong cuộc đời/Đã yêu cuộc đời này bằng trái tim của tôi* được lặp lại hai lần có tác dụng nhấn mạnh ý nghĩa của niềm vui, niềm tin yêu cuộc sống. |
| **II** | **LÀM VĂN** |
| **1** | ***Bàn về những điều bản thân cần làm để giữ cho tâm hồn luôn tươi trẻ*** |
|  | - Sống lạc quan: là thái độ sống điểm tĩnh, an nhiên, có suy nghĩ và hành động tích cực trước những tình huống, sự việc không mong muốn xảy ra trong cuộc sống, biến nỗi buồn thành niềm vui, biến nguy thành an, từ đó dẫn dắt con người vào một bầu không khí luôn tươi mát và đầy cảm hứng.  - Để tạo ra năng lượng tích cực cho bản thân, bạn nên học cách chia sẻ cảm xúc của mình nhiều hơn, đừng giấu kín nó, đó hoàn toàn là một điều không tốt.  - Điều để tạo nênnăng lượng tích cực không thể thiếu được đó là học cách yêu thương bản thân mình nhiều hơn. Yêu thương bản thân nhiều hơn chính là sống cho bản thân bạn, cố gắng thực hiện những mục tiêu sâu thẳm trong tâm hồn bạn, ngày càng hoàn thiện bản thân mình hơn, chú ý ăn uống và chăm sóc cơ thể.  - Năng lượng tích cực cũng sẽ được sinh ra trong sách vở, có nhiều cá nhân họ theo đuổi con đường tri thức, học hỏi suy nghĩ của những vĩ nhân đi trước từ đó tạo lập được nhiều định hướng trong tương lai cho bản thân, hơn hết là tạo ra những suy nghĩ tích cực và lạc quan hơn. |

**Câu 2.**

*\* Cảm nhận về vẻ đẹp trữ tình của Sông Đà trong đoạn trích*

Sông Đà được cảm nhận ở phương diện không gian, từ điểm nhìn trên cao với hình dáng, thủy trình và sắc nước sông Đà.

Hình dáng: Từ trên tàu bay nhìn xuống sông Đà như “cái dây thừng ngoằn ngoèo” uốn quanh núi rừng Tây Bắc, hài hòa với thiên nhiên Tây Bắc. Ở những quãng yên, dòng sông lại giống như một người thiếu nữ kiều diễm “tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ấn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo”.

So sánh, so sánh trùng điệp gợi vẻ đẹp độc đáo, ấn tượng, trẻ trung, mềm mại, thướt tha. Thủy trình và sắc nước Sông Đà: “Mùa xuân dòng xanh ngọc bích…” -> vẻ đẹp trong xanh, sâu thẳm thẳm, cao quý. “Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ...”, đó là vẻ mặn mòi, trù phú của phù sa đồng thời mang theo cảm xúc của đất trời. Màu nước sông Đà biến chuyển đối lập theo mùa tạo nên sự hấp dẫn, diệu kì của con sông và thiên nhiên Tây Bắc (như một sinh thể có hồn).

Cảm xúc của nhà văn: tự hào trước thiên nhiên kỳ thú, diễm lệ, tình yêu sâu sắc đối với đất nước quê hương; kịch liệt phản đối luận điệu xuyên tạc của kẻ thù trước đây: “Chưa hề bao giờ tôi thấy Sông Đà là đen như thực dân Pháp đã đè ngửa con sông ta ra đổ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu, rồi cứ thế mà phiết vào bản đồ lai chữ.”

*\* Liên hệ với vẻ đẹp hung bạo của Sông Đà trong cuộc chiến với người lái đò Sông Đà để rút ra những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả của Nguyễn Tuân:*

Hình ảnh sông Đà trong đoạn trích mang vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình. Hình ảnh sông Đà trong cuộc chiến với người lái đò Sông Đà là dòng sông hung bạo, hùng vĩ, sức mạnh phi thường, tâm địa hiểm độc, hiện diện như một “thứ kẻ thù số một của con người” (…)

Đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả của Nguyễn Tuân: Ngôn ngữ miêu tả giàu tính tạo hình, biểu cảm. Vận dụng kiến thức của nhiều ngành nghệ thuật khác nhau để sáng tạo hình tượng (thể thao, điện ảnh, quân sự, võ thuật...). Sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ: nhân hóa, liệt kê, tương phản đối lập, ẩn dụ... Lối so sánh, liên tưởng độc đáo thú vị.

Chất tài hoa uyên bác trong nghệ thuật miêu tả: Sông Đà không chỉ như một dòng chảy tự nhiên mà còn như con người có vẻ đẹp tâm hồn, tính cách phong phú

**ĐỀ TẶNG SỐ 03**

**I. ĐỌC HIỂU**

**Đọc đoạn trích sau:**

Họ gánh về cho tôi mùa ổi mùa xoài mùa mận

Mùa sen mùa cốm trên vai

Cả nắng ban mai cả hoàng hôn tím

Ngày đi rưng rưng đôi dép lê

Tôi mua được mùa ổi mùa sen bằng đồng bạc lẻ

Đồng bạc lặng lẽ

Thấm đẫm sương đêm thấm đẫm mồ hôi

Sau lưng họ đồng làng mồ côi hun hút gió

Vòng tay ngỏ

Lời ru con căng sữa

(…)

Những ngôi sao của tôiGánh trên vai mình hẩm hiu số phậnVô danh giữa đời thườngDẫu đôi lúc đặt vào mắt tôi bao tia nhìn mang hình dấu hỏi.

**(Trích *Những ngôi sao hình quang gánh*, Nguyễn Phan Quế Mai,**

<https://daibieunhandan.vn/den-voi-tho--nhung-ngoi-sao-hinh-quang-ganh-120936>

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1.** Đoạn trích trên được viết theo thể thơ nào?

**Câu 2.** Hình ảnh quê hương hiện lên trong nỗi nhớ nhà thơ qua những từ ngữ nào?

**Câu 3.** Những dòng thơ sau giúp anh/chị hiểu gì về thân phận của người bán hàng rong?

Sau lưng họ đồng làng mồ côi hun hút gió

Vòng tay ngỏ

Lời ru con căng sữa

**Câu 4.** Anh/chị hãy nhận xét về cảm xúc và suy nghĩ của tác giả đối với người bán hàng rong được thể hiện trong đoạn trích.

**II. LÀM VĂN**

**Câu 1**

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về sự cần thiết của lòng trắc ẩn trong cuộc sống hiện đại.

**Câu 2**

*Vườn cây rung rinh ánh sáng. Ở một góc nhà đó, hiện lên cảnh tượng cu Tị đang ôm chầm lấy mẹ, chị Lụa cuống quýt vuốt ve con. Bà vợ Trương Ba xuất hiện ở phía trước sân khấu.*

**Vợ Trương Ba:** *Ông ở đâu? Ông ở đâu?*

*(Giữa màu xanh cây vườn, Trương Ba chập chờn xuất hiện)*

**Trương Ba:** Tôi ở đây bà ạ. Tôi vẫn ở liền ngay bên bà đây, ngay trên bậc cửa nhà ta, trong ánh lửa bà nấu cơm, cầu ao bà vo gạo, trong cái cơi bà đựng trầu, con dao bà giẫy cỏ… Không phải mượn thân xác ai cả, tôi vẫn ở đây, trong vườn cây nhà ta, trong những điều tốt lành của cuộc đời, trong mỗi trái cây cái Gái nâng niu.

(Dưới một gốc cây, hiện lên cu Tị và cái Gái)

**Cái Gái:** (Tay cầm một trái na) Cây na này, ông nội tớ trồng đấy. Quả to mà ngon lắm. Ta ăn chung nhé!

(Bẻ quả na đưa cho cu Tị một nửa. Đôi trẻ ăn ngon lành. Cái Gái lấy những hạt na vùi xuống đất.)

**Cu Tị:** Cậu làm gì thế?

**Cái Gái:** Cho nó mọc thành cây mới. Ông nội tớ bảo vậy. Những cây sẽ nối nhau mà lớn khôn. Mãi mãi…

(Trích Hồn Trương Ba, da hàng thịt, Lưu Quang Vũ,

Ngữ văn 12, tập 2, NXB Giáo dục, tr.153)

Phân tích nhân vật Trương Ba trong đoạn trích trên. Từ đó nêu lên ý nghĩa tư tưởng, triết lí và nhân sinh sâu sắc Mà Lưu Quang Vũ gửi gắm trong vở kịch “Hồn Trương Ba, da hàng thịt”.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần/**  **Câu** | **Nội dung** | |
| **I** | **ĐỌC HIỂU** | |
| **1** | Thể thơ tự do | |
| **2** | Hình ảnh quê hương hiện lên trong nỗi nhớ nhà thơ qua những từ ngữ: mùa ổi, mùa xoài, mùa mận, mùa sen. | |
| **3** | - Những dòng thơ Sau lưng họ đồng làng mồ côi hun hút gió/Vòng tay ngỏ/Lời ru con căng sữa là sự thấu hiểu của tác giả với người bán hàng rong:  + Khi họ gánh hoa gánh hàng rong (trái cây) đi bán là gánh hết cả sản phẩm đồng quê đi khiến cho đồng làng mồ côi hun hút gió.  + Còn con nhỏ của họ chịu cảnh khát thèm làm ra mà thiếu ăn khiến cho lời ru con căng sữa. | |
| **4** | - Tác giả suy tư, cảm thông, tri ân sâu sắc về những người bán hàng rong. Nhà thơ trân trọng những ngôi sao của mình, bởi họ đã gánh về những đồng quà, đã nhắc nhớ thời gian, đã đem lại ngọn gió mát lành cũng như những giá trị tinh thần vĩnh cửu trong lời hát.  - Nhà thơ cũng thấu hiểu được đằng sau thế giới kì diệu thiêng liêng mà những ngôi sao hình quang gánh góp phần tạo nên là sự nhọc nhằn khó lòng chia sẻ cùng ai được. | |
| **II** | **LÀM VĂN** | |
| **1** | ***Suy nghĩ về sự cần thiết của lòng trắc ẩn trong cuộc sống hiện đại*** | |
|  | *a. Đảm bảo yêu cầu hình thức đoạn văn*  Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích hoặc song hành. | |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Sự cần thiết của lòng trắc ẩn trong cuộc sống hiện đại | |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận*  Học sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ, sự cần thiết của lòng trắc ẩn trong cuộc sống hiện đại. Có thể theo hướng sau:  - Lòng trắc ẩn là sự thương xót, đồng cảm và thấu hiểu giữa con người với con người.  - Lòng trắc ấn giúp con người bớt đi khổ đau,bất hạnh, buồn thương; giúp người gần người hơn, tạo mối quan hệ xã hội tốt đẹp.  - Phê phán lồi sống vô cảm, thờ ơ, ích kỉ… | |
|  | *d. Chính tả, dùng từ, đặt câu*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | |
|  | *e. Sáng tạo*  Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận. | |
| **2** | ***Phân tích Màn kết “Hồn Trương Ba, da hàng thịt”. Rút ra thông điệp của vở kịch được Lưu Quang Vũ gửi gắm qua đoạn trích.*** |  |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận*  *Mở bài* nêu được vấn đề nghị luận; *Thân bài* triển khai được vấn đề; *Kết bài* khái quát được vấn đề. |  |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề nghị luận*  Phân tích Màn kết “Hồn Trương Ba, da hàng thịt”. Rút ra thông điệp của vở kịch. |  |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
|  | ***\* Mở bài:*** |  |
|  | - Trong làng kịch nói Việt Nam có lẽ ai cũng biết đến Lưu Quang Vũ - một hiện tượng đặc biệt của sân khấu kịch trường những năm tám mươi của thế kỉ XX. Tuy có tài ở nhiều lĩnh vực như viết truyện ngắn soạn kịch làm thơ vẽ tranh... nhưng ông được xem là một trong những nhà soạn kịch tài năng nhất của nền văn học nghệ thuật Việt nam hiện đại.  - Trong các vở kịch của Lưu Quang Vũ đáng chú ý nhất là vở “Hồn Trương Ba da hàng thịt”. Bằng nghệ thuật xây dựng nội tâm độc đáo cảnh VII đoạn cuối vở kịch đem đến cho người đọc nhiều vấn đề tư tưởng sâu sắc qua nhân vật Trương Ba trong thân xác anh hàng thịt. |  |
|  | ***\* Thân bài:*** |  |
|  | *\* Tóm tắt:*  - Trương Ba, gần 60 tuổi- là một người làm vườn tốt bụng, đặc biệt rất cao cờ. Do tắc trách, Nam Tào gạch bừa tên Trương Ba, khiến ông phải chết oan. Theo gợi ý của Đế Thích, để sửa sai, Nam Tào cho hồn Trương Ba nhập vào thể xác hàng thịt ở làng bên vừa mới chết, mới ngoài 30 tuổi, để được sống lại.  - Trú nhờ thể xác hàng thịt, hồn Trương Ba gặp rất nhiều phiền toái: lí trưởng sách nhiễu, chị hàng thịt đòi chồng; gia đình Trương Ba ngày càng lủng củng. Trương Ba dần dà tiêm nhiễm một số thói xấu và những nhu cầu vốn xa lạ với ông. Không những vậy, những người thân trong gia đình cũng ngày càng xa lánh khiến ông rất đau khổ. Trước nghịch cảnh ấy, Trương Ba quyết định trả lại thân xác cho hàng thịt, cũng không chấp nhận nhập vào xác cu Tị, kiên quyết chấp nhận cái chết.  *\* Phân tích:*  - Kết thúc vở kịch, Trương Ba chết, nhưng hồn ông vẫn còn đó “giữa màu xanh cây vườn, Trương Ba chập chờn xuất hiện”, và ông đã nói với vợ mình những lời tâm huyết, hàm chứa ý nghĩa “Tôi đây bà ạ. Tôi ở liền ngay bên bà đây, ngay trên bậc cửa nhà ta… Không phải mượn thân ai cả, tôi vẫn ở đây, trong vườn cây nhà ta, trong những điều tốt lành của cuộc đời, trong mỗi trái cây cái Gái nâng niu…”.  - Những lời nói của Trương Ba, phải chăng đó là sự bất tử của linh hồn trong sự sống, trong lòng người. Điều đó tô đậm thêm nhân cách cao thượng của Trương Ba và khắc sâu thêm tư tưởng nhân văn của tác phẩm.  - Cu Tị sống lại và đang cùng ngồi với cái Gái trong khu vườn. Cái Gái “Lấy hạt na vùi xuống đất…” cho nó mọc thành cây mới. Ông nội tớ bảo thế. Những cây sẽ nối nhau mà khôn lớn. Mãi mãi…”  - Hình ảnh cái Gái ăn quả Na rồi vùi hạt xuống đất:  + Biểu tượng cho sự tiếp nối những truyền thống tốt đẹp (“Ông nội tớ bảo vậy”) là tâm hồn, là nhân cách Trương Ba.  + Biểu tượng cho sự sống bất diệt của những giá trị tinh thần mang tính nhân văn cao đẹp (“mãi mãi”).  + Khẳng định niềm tin vào sự chiến thắng của cái thiện và cái đẹp.  - Ý nghĩa của sự sống nhiều khi không phải ở sự tồn tại sinh học mà chính là sự hiện diện của người đã khuất trong tâm tưởng, nỗi nhớ, tình yêu của những người còn sống. Vẻ đẹp tâm hồn sẽ trường tồn dài lâu, bất tử so với sự tồn tại của thể xác  *-> Đây là một đoạn kết giàu chất thơ với ngôn từ tha thiết, thấm đẫm tình cảm và có dư ba bởi những hình ảnh tượng trưng về sự sống nảy nở (“ vườn cây rung rinh ánh sáng, hai đứa trẻ cùng ăn quả na rồi gieo hạt na xuống đất cho nó mọc thành cây mới). Đó là khúc ca trữ tình ca ngợi sự sống, ca ngợi những giá trị nhân văn mà con người luôn phải vươn tới và gìn giữ.* |  |
|  | *\* Thông điệp vở kịch:*  - Lưu Quang Vũ muốn phê phán một số biểu hiện tiêu cực trong lối sống lúc bấy giờ: con người đang có nguy cơ chạy theo những ham muốn tầm thường về vật chất chỉ thích hưởng thụ đến nỗi trở nên phàm phu thô thiển.  - Lấy cớ tâm hồn là quý đời sống tinh thần là đáng trọng mà chẳng chăm lo thích đáng đến sinh hoạt vật chất không phấn đấu vì hạnh phúc toàn vẹn. Cả hai quan niệm cách sống trên đều cực đoan đáng phê phán.  - Tình trạng con người phải sống giả không dám và cũng không được sống là bản thân mình. Đấy là nguy cơ đẩy con người đến chỗ bị tha hóa do danh và lợi. |  |
|  | ***\* Kết bài:*** |  |
|  | - Qua Đoạn kết và Cảnh VII vở kịch “Hồn Trương Ba, da hàng thịt”, Lưu Quang Vũ muốn gửi tới người đọc thông điệp: được sống làm người quý giá thật, nhưng được sống đúng là mình, sống trọn vẹn những giá trị mình vốn có và theo đuổi còn quý giá hơn. Sự sống chỉ thực sự có ý nghĩa khi con người được sống tự nhiên với sự hài hòa giữa thể xác và tâm hồn. Con người phải luôn biết đấu tranh với những nghịch cảnh, với chính bản thân, chống lại sự dung tục, để hoàn thiện nhân cách và vươn tới những giá trị tinh thần cao quý.  - Đoạn trích có những đặc sắc về nghệ thuật: vở kịch được khai thác từ cốt truyện dân gian. Kịch tính xoay quanh xung đột bên ngoài và bên trong nhân vật. Ngôn ngữ hành động và ngôn ngữ nội tâm được diễn tả sống động, giàu triết lí nhân sinh. |  |

**ĐỀ TẶNG SỐ 04**

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU**

**Đọc đoạn trích dưới đây:**

*Những dấu chân lùi lại phía sau  
Dấu chân in trên đời chúng tôi những tháng năm trẻ nhất  
Mười tám hai mươi sắc như cỏ  
Dày như cỏ  
Yếu mềm và mãnh liệt như cỏ  
Cơn gió lạ một chiều không rõ rệt  
Hoa chuẩn bị âm thầm trong đất  
Nơi đó nhất định mùa xuân sẽ bùng lên  
Hơn một điều bất chợt  
Chúng tôi đã đi không tiếc đời mình  
(Những tuổi hai mươi làm sao không tiếc)  
Nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc?*

(Trı́ch*Trường ca Những người đi tới biển –* Thanh Thảo)

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1.** Đoạn trích trên được viết theo thể thơ nào?

**Câu 2.** Tuổi trẻ Viêt Nam trong những năm tháng kháng chiến chống Mı̃ đươc tác giả miêu tả qua những từ ngữ, hı̀nh ảnh nào?

**Câu 3.** Anh/chị hiểu như thế nào về nội dung câu thơ: “Hoa chuẩn bị âm thầm trong đất/Nơi đó nhất định mùa xuân sẽ bùng lên”?

**Câu 4.** Anh/chị hãy nhận xét về những vẻ đẹp của hình tượng ngườ lính thời kì chống Mĩ được thể hiện trong đoạn trích trên.

**II. LÀM VĂN**

**Câu 1**

Từ nội dung ở phẩn Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của lối sống có trách nhiệm.

**Câu 2**

**Hồn Trương Ba:** *A, mày cũng biết nói kia à? Vô lý, mày không thể biết nói! Mày không có tiếng nói, mà chỉ là xác thịt âm u đui mù...*

**Xác hàng thịt:** *Có đấy! Xác thịt có tiếng nói đấy! Ông đã biết tiếng nói của tôi rồi, đã luôn luôn bị tiếng nói ấy sai khiến. Chính vì âm u, đui mù mà tôi có sức mạnh ghê gớm, lắm khi át cả cái linh hồn cao khiết của ông đấy!*

**Hồn Trương Ba:** *Nói láo! Mày chỉ là cái vỏ bên ngoài, không có ý nghĩa gì hết, không có tư tưởng, không có cảm xúc!*

***Xác hàng thịt:*** *Có thật thế không?*

**Hồn Trương Ba:** *Hoặc nếu có, thì chỉ là những thứ thấp kém, mà bất cứ con thú nào cũng có được: thèm ăn ngon, thèm rượu thịt…*

**Xác hàng thịt:** *Tất nhiên, tất nhiên. Sao ông không kể tiếp: Khi ông ở bên nhà tôi... Khi ông đứng bên cạnh vợ tôi, tay chân run rẩy, hơi thở nóng rực, cổ nghẹn lại... Đêm hôm đó, suýt nữa thì...*

**Hồn Trương Ba***: Im đi! Đấy là mày chứ, chân tay mày, hơi thở của mày...*

*(Trích Hồn Trương Ba, da hàng thịt, Lưu Quang Vũ,*

*Ngữ văn 12, tập 2, NXB Giáo dục, tr.153)*

Phân tích đoạn đối thoại giữa hồn và xác qua đoạn trích trên. Từ đó nêu lên ý nghĩa tư tưởng, triết lí và nhân sinh sâu sắc Mà Lưu Quang Vũ gửi gắm trong vở kịch “Hồn Trương Ba, da hàng thịt”.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần/**  **Câu** | **Nội dung** |
| **I** | **ĐỌC HIỂU** |
| **1** | Thể thơ tự do |
| **2** | Tuổi trẻ Viêt Nam trong những năm tháng kháng chiến chống Mı̃ đươc tác giả miêu tả qua những từ ngữ, hı̀nh ảnh: trẻ nhất, sắc, dày, yếu mềm, mãnh liệt, không tiếc đời mình (chỉ cần chọn 2 hình ảnh). |
| **3** | - Nội dung câu thơ: “Hoa chuẩn bị âm thầm trong đất/Nơi đó nhất định mùa xuân sẽ bùng lên”:  + Hoa là vẻ đẹp của sức mạnh, ý chí tinh thần, tâm hồn của tuổi trẻ.  + Mùa xuân là thắng lợi, thành quả.  -> Tuổi trẻ với vẻ đẹp tâm hồn, với sức mạnh ý chí và tinh thần quyết tâm tiêu diệt kẻ thù Nhất định sẽ giành thắng lợi – đó là lời động viên, đồng thời cũng thể hiện niềm tin tưởng của tác giả đối với tuổi trẻ. |
| **4** | - Những vẻ đẹp của hình tượng ngườ lính thời kì chống Mĩ:  + Vẻ đẹp kiên cường, đoàn kết, mạnh mẻ, lãng mạn, nhiệt huyết…  + Vẻ đẹp sẵn sang chiến đấu và hiến dnag6 tuồi thanh xuân cho đất nước. |
| **II** | **LÀM VĂN** |
| **1** | ***Suy nghĩ về ý nghĩa của lối sống có trách nhiệm*** |
|  | *a. Đảm bảo yêu cầu hình thức đoạn văn*  Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích hoặc song hành. |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Ý nghĩa của lối sống có trách nhiệm |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận*  Học sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ, ý nghĩa của lối sống có trách nhiệm. Có thể theo hướng sau:  - Hoàn thành tốt công việc và nhiệm vụ được giao.  - Giúp chúng ta ngày càng tốt đẹp, hoàn thiện bản thân mình hơn.  - Được mọi người xung quanh yêu quý, kính trọng và giúp đỡ.  - Có được lòng tin của mọi người.  - Phê phán, lên án những kẻ sống vô kỉ luật, thiếu trách nhiệm đối với bản thân và xã hội.. |
|  | *d. Chính tả, dùng từ, đặt câu*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. |
|  | *e. Sáng tạo*  Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận. |
| **2** | ***Phân tích đoạn đối thoại giữa hồn và xác. Nêu lên ý nghĩa tư tưởng, triết lí và nhân sinh sâu sắc Mà Lưu Quang Vũ gửi gắm trong vở kịch “Hồn Trương Ba, da hàng thịt”.***  *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận*  *Mở bài* nêu được vấn đề nghị luận; *Thân bài* triển khai được vấn đề; *Kết bài* khái quát được vấn đề. |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề nghị luận*  Phân tích đoạn đối thoại giữa hồn và xác. Nêu lên ý nghĩa tư tưởng, triết lí và nhân sinh sâu sắc Mà Lưu Quang Vũ gửi gắm trong vở kịch “Hồn Trương Ba, da hàng thịt”. |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |
|  | ***\* Mở bài (xem Đề 1)*** |
|  | ***\* Thân bài:*** |
|  | - Sau khi được sống lại trong thể xác hàng thịt, Hồn TB gặp rất nhiều phiền toái và bản thân TB cũng bị lây nhiễm một số thói xấu cùng với những nhu cầu vốn không phải của bản thân ông. Những điều đó làm TB vô cùng đau khổ.  - Trong tâm trạng đau đớn, chán chường trước cuộc sống không thật là mình, trước cái chỗ ở không phải của mình, HTB khao khát tách xa, rời khỏi thể xác thô lỗ: “Ta chỉ muốn dời xa mi tức khắc!”. |
|  | - Nội dung lời nói của Hồn Trương Ba:  + Hồn có cơ hội bày tỏ tâm trạng uất ức, tức giận vì phải chung sống với xác thô lỗ, tầm thường, dung tục. Hồn cũng không che giấu sự coi thường, khinh bỉ đối với xác, “kẻ âm u đui mù, không cảm xúc, không tư tưởng, không có tiếng nói”...; kẻ có nhu cầu vật chất thấp kém gần với con thú (thèm ăn ngon, thèm rượu thịt), sức mạnh thể chất gắn với sự tàn bạo.  + Hồn cũng phủ nhận sự lệ thuộc của linh hồn vào xác thịt, khẳng định linh hồn có đời sống riêng: “nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn”…  => Hồn mong muốn sẽ phần nào giải tỏa được nỗi đau khổ bị dồn nén bấy lâu khi có cơ hội cất lên tiếng nói của mình. |
|  | - Xác hàng thịt: không bị động, nhún nhường mà có thái độ khi thì ngạo nghễ, thách thức, khi thì ranh mãnh với những câu hỏi mang tính phản biện đầy bỡn cợt, châm chọc.  - Nội dung lời nói của xác hàng thịt:  + Xác âm u, đui mù nhưng có thể lấn át, sai khiến, thậm chí đồng hóa linh hồn cao khiết. Hồn không thể còn nguyên vẹn, trong sạch, khi phải chung sống và chiều theo những đòi hỏi của xác thịt dung tục.  + Hồn Trương Ba đã có cảm giác xao xuyến, khao khat khi đứng bên vợ hàng thịt, đến nỗi chân tay run rẩy, hơi thở nóng rực, cổ nghẹn lại, đã có cảm xúc lâng lâng trước các món ăn mà ông cho là dung tục như tiết canh, cổ hũ, khấu đuôi, đã sử dụng vũ lực mà ông cho là tàn bạo để tát thằng con toé máu mồm, máu mũi…  -> Hồn Trương Ba đã nhiễm những thói hư tật xấu của xác hàng thịt).  => Hồn Trương Ba đau đớn, dằn vặt, khao khát khẳng định mình vẫn là mình, nhưng cuối cùng phải thừa nhận rằng, mình đang sống nhờ thể xác kẻ khác và bị thể xác đó điều khiển, dẫn đến sự tha hoá không có cách gì chuyển biến được. Bi kịch của Hồn Trương Ba, vì thế, không những không được giải tỏa, mà còn trở nên đau đớn, xót xa hơn.  - Cuộc đối thoại căng thẳng, quyết liệt giữa hồn và xác mang ý nghĩa sâu sắc.  + Hồn Trương Ba có khát vọng sống cao thượng, thánh thiện của con người, khi bị những cám dỗ vật chất phàm tục làm cho tha hoá, biến chất.  + Xác hàng thịt suy nghĩ sai lầm của về người: đó là thói quen đề cao tinh thần mà coi thường vật chất, tự ru ngủ mình trong những giấc mơ cao thượng mà quên đi rằng, cần phải thiết lập mối quan hệ hoà hợp, gắn bó giữa chúng.  => Hồn và xác là những ẩn dụ nghệ thuật lớn, và cuộc đối thoại giữa hồn và xác là một tình huống kịch đặc sắc, tô đậm bi kịch “bên ngoài một đằng, bên trong một nẻo”, sự thiếu hài hòa, không thống nhất trên các phương diện: linh hồn và thể xác, vật chất và tinh thần, nội dung và hình thức, bản năng và lý tưởng, cao cả và tầm thường...ở mỗi con người. |
|  | ***\* Thông điệp vở kịch (xem đề 1)*** |
|  | ***\* Kết bài (xem đề 1)*** |
|  | *d. Chính tả, dùng từ, đặt câu*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. |
|  | *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. |

**ĐỀ TẶNG SỐ 05**

**I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích:**

*Chiến tranh đã tắt cuối con đường*

*Cau vẫn rụng vào những chiều thương nhớ*

*Bầy sẻ nâu đã bao mùa sinh nở*

*Con đã về, mẹ có thấy con không?*

*Cỏ đã lên mầm trên những hố bom*

*Ôi Tổ quốc lại một lần đứng dậy*

*Gió thổi suốt bốn nghìn năm và mẹ*

*Nước mắt đầy trên những vết nhăn*

*…*

*Có tiếng gà gọi mẹ góc vườn xa*

*Con vẫn thế hò reo chùm khế ngọt*

*Cau lại trổ mẹ ơi cau sẽ bổ*

*Trong cơn mê tiếng trẻ nói vang nhà*

*Chiến tranh qua rồi và mãi mãi con tin*

*Con không chết, con chỉ không lớn nữa*

*Và con sống suốt đời mười tám tuổi*

*Như buổi chiều chào mẹ con đi.*

(Trích *Thư gửi mẹ,* Nguyễn Quang Thiều*,* Theo *Những người lính của làng,* NXB Quân đội Nhân dân, 1996)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1.(0,5 điểm)** Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên.

**Câu 2.(0,5 điểm)** Anh/chị hiểu như thế nào về hai dòng thơ *“Cỏ đã lên mầm trên những hố bom*/ *Ôi Tổ quốc lại một lần đứng dậy”*.

**Câu 3.(1,0 điểm)** Chỉ ra và nêu tác dụng của những hình ảnh mà nhân vật trữ tình đã kể qua khổ thơ:

*Có tiếng gà gọi mẹ góc vườn xa*

*Con vẫn thế hò reo chùm khế ngọt*

*Cau lại trổ mẹ ơi cau sẽ bổ*

*Trong cơn mê tiếng trẻ nói vang nhà*

**Câu 4.(1,0 điểm**) Thông điệp sâu sắc nhất mà anh/chị rút ra từ đoạn thơ trên? Vì sao?

**II. LÀM VĂN (7,0 điểm)**

**Câu 1 (2,0 điểm)**

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về *Tổ quốc lại một lần đứng dậy* trong đại dịch Covid -19.

**Câu 2 (5,0 điểm)**

Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật bà cụ Tứ trong đoạn trích sau. Từ đó nhận xét về cách tiếp cận con người trong nạn đói của nhà văn Kim Lân. “Bà lão phấp phổng theo con vào trong nhà[.....] bước từng bước dài ra sân”.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN I: ĐỌC HIỂU (3.0 ĐIỂM)** | | | |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** | |
| **1** | Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên: biểu cảm. | 0.5 | |
| **2** | Hình ảnh: “*Cỏ đã lên mầm trên những hố bom/ Ôi Tổ quốc lại một lần đứng dậy”:* gợi cho người đọc suy nghĩ về sự tái sinh của sự sống. | 0.5 | |
| **3** | - Những hình ảnh: *tiếng gà, góc vườn, chùm khế, cau, tiếng trẻ, nhà.*  - Tác dụng: Hình ảnh rất đỗi bình dị, gần gũi nơi làng quê: Gợi nhắc kỉ niệm quê nhà, hình ảnh mẹ gần gũi hiện lên sau mỗi chi tiết, có cả những ước mơ ...Tình yêu mẹ, yêu quê hương tha thiết trong trái tim người lính xa quê. Tình yêu lớn lao bắt nguồn từ những điều bình dị nhất. | 1.0 | |
| **4** | - Học sinh có thể đưa ra nhiều cách trả lời khác nhau. Dưới đây là một vài gợi ý: (0,5)  + Trân trọng và biết ơn những người đã hi sinh vì Tổ quốc.  + Sống là biết cống hiến cho quê hương, đất nước.  + Uống nước nhớ nguồn….  -Giải thích vì sao (0,5) | 1,0 | |
| **PHẦN II: LÀM VĂN (7.0 ĐIỂM)** | | | |
| **1** | **Viết đoạn văn về *Tổ quốc lại một lần đứng dậy* trong đại dịch Covid -19.** | |
| 1. *Đảm bảo hình thức đoạn văn*   Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách: diễn dịch, quy nạp, móc xích, tổng – phân – hợp… | |
| 1. *Xác định đúng vấn đề nghị luận*   Sức mạnh, tinh thần dân tộc trong đại dịch Covid-19. | |
| 1. *Triển khai vấn đề nghị luận*   Thí sinh có thể lựa chọn những thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận treo nhiều cách nhưng phải làm rõ *sức mạnh, tinh thần dân tộc trong đại dịch Covid-19.* Có thể triển khai theo hướng: khái lược về đại dịch Covid-19; nhận thức, hành động, tinh thần, tình cảm của dân tộc trong việc chống dịch; vị thế của Việt Nam sau thành công trong việc phòng, chống dịch… | |
| 1. *Chính tả, ngữ pháp*   Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | |
| 1. Sáng tạo   Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ. | |

**CÂU 2**

Kim Lân là cây bút chuyên viết truyện ngắn. Ông chuyên viết về nông thôn và nông dân Việt Nam một cách chân thật, xúc động bằng sự am hiểu sâu sắc về cảnh ngộ và tâm lý của những người tha thiết với quê hương và cách mạng. Chính vì thế, Nguyên Hồng đã khẳng định “Kim Lân là một nhà văn một lòng đi về với đất, với người, với thuần hậu nguyên thủy”. Tác phẩm tiêu biểu cho sáng tác của ông là “Vợ nhặt”. Truyện viết về con người trong nạn đói năm 1945 rất xúc động và khơi gợi được nhiều tình cảm nhân văn cao đẹp. Đoạn trích đã miêu tả tâm trạng của bà cụ Tứ trước sự kiện con trai mình nhặt vợ. Từ đó, đoạn trích là cách tiếp cận con người rất đôn hậu của nhà văn Kim Lân đã góp phần tạo nên giá trị nhân đạo sâu sắc của tác phẩm.

Tác phẩm được viết năm 1954 theo “đơn đặt hàng” của Báo Văn dân dịp kỉ niệm 10 năm cách mạng tháng tám thành công. Tác giả dựa vào cốt truyện “Xóm ngụ cư” để viết thành “Vợ nhặt”. Truyện được viết bắt nguồn từ nạn đói năm 1945 và chủ yếu những con người trong nạn đói ấy. Thông qua truyện, Kim Lân muốn khẳng định “Trong sự túng đói quay quắt, trong bất cứ hoàn cảnh khốn khó nào, người dân ngụ cư vẫn khao khát vươn lên trên cái chết, cái thảm đạm để mà vui mà hy vọng”. Khi nói chuyện về tác phẩm của mình Kim Lân có chia sẻ:” Tôi muốn phân tích tâm trạng và thân phận của con người trong hoàn cảnh đường cùng ấy, nơi cuộc sống dường như không có lối thoát. Tôi muốn hướng họ vào sự sống, sự yêu thương nhau chứ không phải là giành giật nhau”. Truyện kể về nạn đói năm 1945, một anh tên là Tràng nhà nghèo, dân ngụ cư, không lấy được vợ. Một lần anh đi kéo xe thóc lên tỉnh, một người phụ nữ đã theo anh về nhà và họ trở thành vợ chồng- anh đã “nhặt” được vợ một cách dễ dàng chỉ nhờ vài câu nói đùa và bốn bát bánh đúc. Anh đưa vợ về nhà ra mắt mẹ già trong sự nhiên của tất cả mọi người vì thêm miệng ăn trong hoàn cảnh đói khát, người chết đói ở khắp nơi.

Đầu tiên, Kim Lân đã miêu tả diễn biến tâm trạng của bà cụ Tứ là ngạc nhiên khi thấy một người đàn bà lạ mặt đứng trong nhà mình. Bà lão chợt đứng sững lại và càng ngạc nhiên hơn. Trong đầu bà hiện lên hàng loạt câu hỏi “ Quái, sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhờ? Người đàn bà nào lại đứng ngay đầu giường thằng con trai mình thế kia? Sao lại chào mình bằng u?”. Bà cụ Tứ tỏ ra rất ngạc nhiên bởi sự việc xảy ra nó quá bất ngờ, ngoài sức tưởng tượng và ước mơ của một bà mẹ già nua đã an phận. Chính tâm trạng ngạc nhiên ấy càng đẩy câu chuyện thêm kịch tính, éo le.

Tiếp đó, khi nghe Tràng thưa chuyện thì bà cụ Tứ lại im lặng, ai oán, buồn tủi, lo lắng. Khi Tràng thưa chuyện rằng: “Nhà tôi nó mới về làm bạn với tôi đấy u ạ! Chúng tôi phải duyên phải kiếp với nhau... Chẳng qua nó cũng là cái số cả...” Tràng đã đặt cụ Tứ vào một tình huống bị động, một thế khó. Thực sự đây là một bài toán hóc búa dành cho cụ Tứ. Lúc này cụ phải đứng trước hai lựa chọn: không chấp nhận Thị làm con dâu trong nhà. Nếu bà cụ Tứ chấp nhận thì cũng không ai trách được bà. Thứ nhất, Tràng và Thị không hề yêu nhau; thứ hai là Tràng lấy vợ mà không hỏi ý kiến của mẹ, người mẹ già còn không biết, điều này như động chạm vào lòng tự ái của một bà mẹ khi sự kiện trọng đại nhất của con mình mà mình không biết, cảm tưởng như nó đã gạt mình sang một bên; thứ ba là gia đình cụ Tứ rất nghèo, đang đứng trên bờ vực của cái chết; thứ tư là nạn đói đang diễn ra rất khủng khiếp. Tuy nhiên, nếu bà cụ Tứ không chấp nhận Thị thì đòng nghĩa bà cụ Tứ đang cắt đứt đi cơ hội “ngàn năm có một” đẻ con mình có hạn phúc, có một mái ấm gia đình, bà cũng sẽ đánh mất tâm nguyện của một bà mẹ.

Nhưng nếu bà cụ Tứ chấp nhận, thì gia đình bà sẽ bị đẩy đến bờ vực của cái chết rất nhanh khi phải đèo bòng, phải thêm một “tàu há miệng”. Chính vì thế, đối với bà cụ Tứ thì quả thực là một bài toán khó, bà nín lặng suy nghĩ, đấu tranh dể đi đến lựa chọn cuối cùng. Chìm đắm trong suy nghĩ, trong dòng tâm trạng phức tạp đan xen giữa nhiều thái cực: ai oán, buồn tủi và lo lắng. “Ai oán” cho cuộc đời, số phận và số kiếp của con mình “Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi…”. “Buồn tủi” cho bản thân mình khi làm mẹ mà không lo được cho các con, tủi vì mình mẹ mà ngay cả sự kiện con trai mình lấy vợ mà bả cũng không hề hay biết, tủi cho số kiếp con mình khi người ta có nước này mới lấy con mình mà con mình mới có vợ. Lo lắng khi không biết “Chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua cơn đói này không”. Qua đó ta thấy được Kim Lân đã khắc họa dòng tâm trạng của bà cụ Tứ rất chân thật và sinh động, phải là người rất am hiểu tâm lí nhân vật bằng “con đẻ của đồng ruộng” thì nhà văn mới miêu tả chân thật và sống động như vậy. Sự nín lặng cùng dòng tâm lí phức tạp đó là cả tấm lòng đôn hậu của một bà mẹ già nua dành cho con mình và người đàn bà.

Nếu như đoạn trước bà phân vân không biết nên chấp nhận hay không chập nhận Thị thì ở đoạn này khi bà nhìn Thị thì lòng bà lại đầy xót thương đối với Thị. Một trong những nét tinh tế của bà cụ Tứ là cách nhìn nhận, tiếp cận rất nhân văn. Nhà văn Kim Lân đã từng khẳng định “Vợ nhắt nó đau xót biết nhường nào”. Thị biến mình thành người vợ theo, vợ nhặt có nghĩa là lúc đó giá trị của Thị dường như đã bằng không: đó là tận cùng của sự rẻ rung, chua xót của nỗi đau thân phận. Thị đã bị dồn vào đường cùng trong hoàn cảnh bi đát nhất. Lúc đó là lúc mà Thị dễ bị khinh bỉ nhất, ngay cả xóm ngụ cư còn gọi Thị là “của nợ đời”, thế nhưng trong hoàn cảnh như vậy, bà cụ Tứ không hề rẻ rúng, khinh bỉ Thị mà bà vẫn nhìn nhận bằng tấm lòng đôn hậu của một con người mang trái tim ấm áp, giàu tình yêu thương. Vốn là người từng trải nên bà cụ Tứ chỉ cần nhìn sơ qua cũng đã hiểu sự tình “Người ta có gặp bước khó khăn này, đói khổ này, người ta mới lấy đến con mình”. Bà đã nhận thức được rõ hoàn cảnh và sự thiệt thòi của Thị bằng tất cả cảm thương sâu sắc nhất. Bà đã thấu hiểu Thị chính là nạn nhân của nạn đói kinh hoàng nên đã phải tha hương cầu thực sống “Cuộc đời cơm vãi cơm rơi/ Biết đâu nẻo đất phương trời mà đi”. Nghãi là Thị bị rơi vào hoàn cảnh rất bi đát, chẳng phải đáng thương xót sao? Hơn nữa, trong hoàn cảnh này, bà cụ Tứ vẫn trân trọng và đề cao giá trị của Thị, nhờ có Thị “con mình mới có được vợ”, bà cụ Tứ cũng trút bỏ được nỗi lo về nguy cơ “ế vợ” của con trai mình. Đề cao con người trong hoàn cảnh bi đát đó thật nhân văn biết nhường nào. Đó là điều làm nên chiều sâu nhân đạo của tác phẩm “vợ nhặt”.

Cuối cùng thì bà cụ Tứ cũng đã quyết định chấp nhận Thị làm dâu con trong nhà. Từ sự đồng cảm xót thương cho hoàn cảnh tội nghiệp đáng thương của Thị và sau đó mới là vì niêm khao khát hạnh phúc lứa đôi đến cháy bỏng của con mình, bà cụ Tứ đã chấp nhận Thị làm con dâu trong nhà “Ừ thôi các con cũng phải duyên phải kiếp với nhau u cũng mừng lòng”, bà nhẹ nhàng nói với nàng dâu mới. Vẻ đẹp của tình người, tình mẫu tử sáng ngời, vượt lên cái thảm đạm, tăm tối của nạn đói năm 1945 để bà cụ Tứ chấp nhận Thị làm con dâu trong nhà. Cái hay của hành động này là bà chấp nhận vì Thị đầu tiên, nghĩa là từ sự thương cảm cho Thị khi bị rơi vào hoàn cảnh trớ trêu, sau đó bà chấp nhận vì thằng con trai của mình, khi Tràng đã khéo léo buộc mình với Thị bằng ba sợi dây của duyên, của kiếp và của số. Tấm lòng nhân đạo của bà cụ Tứ mới bao la, cao cả và vĩ đại biết chừng nào. Thực sự bà đã “thương người rồi mới thương ta”, vì người đàn bà xa lạ rồi mới đến vì con mình. Bà cụ tứ đã dạng rộng vòng tay, trái tim để đón nhận Thị làm dâu con trong nhà. Hai chữ “mừng lòng” nghe sao ấm áp và cảm động. Bà không phải bằng lòng mà là mừng lòng, nghĩa là bà đã đón nhận Thị bằng tất cả sự vui mừng và tấm lòng trân quý của một bà mẹ. Mừng lòng là bà đã thực sự chúc phúc cho các con bằng tất cả tình yêu thương, niềm hạnh phúc dẫu biết rằng phía trước là bờ vực của cái chết. Sự tinh tế của bà đã đạt đến độ cô đọng, hàm súc và sâu sắc trong lời chấp nhận. Bà chỉ dùng “duyên, kiếp” mà không dung “số” bởi trong lời chấp nhận cũng là sự hy vọng, mong muốn các con thực sự hạnh phúc. Bà cụ Tứ đã có một cuộc “vượt cạn” thành công. Bài toán hóc búa của Tràng “ném” lại cho mẹ đã có lời giải, đó là cách giải xuất phát từ tình thương người cao cả. Hành động của bà cụ Tứ chấp nhận Thị làm con dâu trong nhà là một hành động rât dũng cảm khi bà đã dám đối diện với cái đói, cái khát, vượt qua thói ích kỉ tầm thường đẻ dang rộng vòng tay yêu thương, cưu mang một người đàn bà xa lạ. Hành động này đã tạo ra bước ngoặt cuộc đời của Tràng và Thị, đây là một hành động góp phần làm nổi bật tư tưởng chủ đề và tạo nên giá trị nhân văn sâu sắc.

Nói tóm lại, đây là đoạn văn ngắn khá đặc sắc, đã diễn tả rất tinh tế diễn biến tâm trạng của bà cụ Tứ trong tình huống éo le, trớ trêu. Đoạn văn đã ánh lên vẻ đẹp của tình người, tình mẫu tử. Góp phần làm nổi bật tư tưởng chủ đề của truyệnlà “Trong cái đói, cái khát, cái chết cận kề con người ta vẫn yêu thương cưu mang đùm bọc lẫn nhau, vẫn hướng tới sự sống, khao khát hạnh phúc lứa đôi, hạnh phúc gia đình. Qua đó đã tạo nên giá trị nhân đạo sâu sắc của tác phẩm.

Nét đặc sắc của đoạn trích chính là việc tác giả đã miêu tả cách ứng xử của những người đói bên bờ vực của cái chết rất tinh tế, sâu sắc. Mặc dù bị dồn vào đường cùng nhưng họ vẫn tìm cho mình một cách ứng xử rất phù hợp. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, những con người trong nạn đói cũng không từ bỏ khát vọng sống, vẫn luôn tìm được lý do để vươn lên cái đói, cái khát, cái thảm đạm để mà vui, mà hy vọng. Đây là điểm sáng trong cách tiếp cận những người nông dân trong nạn đói của nhà văn Kim Lân. Chính điều này đã tạo nên điểm sáng nhân văn, thứ ánh sáng đủ sức nâng giấc những con người cùng đường tuyệt lộ.

Để tạo nên thành công của đoạn trích nói riêng và tác phẩm nói chung, tác giả đã tạo nên một tình huống truyện độc đáo, éo le, xây dựng đối thoại sinh động, hấp dẫn, ngôn ngữ quê kiểng nhưng sử dụng đắc địa, đặc biệt là miêu tả tâm lí nhân vật rất sắc sảo. Điều đặc sắc nhất của đoạn trích là tác giả đã miêu tả tâm lí nhân vật rất tinh tế bằng sự hiểu biết của một con người vốn là “con đẻ của đồng ruộng”, bằng cả tấm lòng của một nhà văn “một tấm lòng đi về với đất, với người, với thuần hậu nguyên thủy”.

Nhà văn Sê-Khốp từng khẳng định: “nhà văn chân chính là phải nhân đạo từ trong cốt tủy. Qủa đúng là như vậy, văn là người,cho nên người như thế nào thì văn chương như vậy. Cho nên nhà văn chân chính phải đứng trong lao khổ cuộc đời để đón những vang vọng cuộc đời. Chính vì thế, văn học phải hướng tới cuộc sống, phải khơi gợi được những tình cảm nhân văn cao đẹp, đánh thức lòng trắc ẩn đang ngủ sâu trong trái tim mỗi người đọc.

Nhà văn Kim Lân, bằng sự nhân đạo và tài năng của mình đã khắc họa lại rõ nét bức tranh nghèo đói của con người thời ấy. Nhưng vượt lên cả là niềm sống mãnh liệt, sự khao khát về một tương lai tươi sáng dù trong cái tận cùng của chết chóc. Mặc dù đứng trên bờ vực của cái chết nhưng hộ không sợ mà còn sẵn sang đối diện với nó.

Đoạn văn đã cho chúng ta thấy được vẻ đẹp tâm hồn của bà cụ Tứ. Từ cách ứng xử của bà cụ trước hoàn cảnh éo le đã đặt ra bao vấn đề khiến mọi người phải suy nghĩ. Tác phẩm “vợ nhặt” xứng đáng được coi là một kiệt tác của văn xuôi kháng chiến. Từ điểm nhìn cận cảnh về cuộc sống tối tăm của những con người trong đói khát. Kim Lân đã mở ra ánh sáng chói chang của buổi sáng ngày hôm sau tạo nên một kết thúc đầy ý nghĩa. Trong truyện ngắn “Vợ nhặt” còn một điểm nhìn rất nhân văn, điểm nhìn này đã tạo nên sức sống và giá trị của tác phẩm, nó đủ sức để soi đường, chỉ lối, dẫn dắt đến tương lai tươi sáng đối với những ai đang lầm đường lạc lối.